Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7403.19.00

Mã HS	7403.19.00
Mô tả hàng hóa	Đồng tinh luyện và hợp kim đồng, chưa gia công / - Đồng tinh luyện: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 11:57:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/74031900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12014
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12014
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12014
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12014
Thuế XK ưu đãi CPTPP	3,6; M: 5,4	3,6% · M: 5.4%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12014
Thuế XK ưu đãi EVFTA	7,2	7,2%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12014
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	7,2	7,2%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12014

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11350
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11293
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11293
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11293
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11293
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11293
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11293
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11345
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11345

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11345
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11345
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11345
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11345
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11346
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11346
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11346
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11346
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11346
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11346
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11349
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11299
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11305
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11305
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11305
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11305
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11305
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11305
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11338
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11338
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11338
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11338
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11338
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11338
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11383
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11383
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11383
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11383
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11383
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11368
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11368
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11368
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11368
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11368
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11368
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11368
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11368
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11368
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11368
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11368
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11368
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11385
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11385
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11385
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11385
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11385
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11385
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11384
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11384
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11384
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11384

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11384
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11384
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11331
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11331
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11331
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11331
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11331
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11331
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11331
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11368
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11368
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11368
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11368
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11368
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11368
RCEP B	2022	2022	0	B!D11368
RCEP B	2023	2023	0	B!E11368
RCEP B	2024	2024	0	B!F11368
RCEP B	2025	2025	0	B!G11368
RCEP B	2026	2026	0	B!H11368
RCEP B	2027	2027	0	B!I11368
RCEP C	2022	2022	0	C!D11368
RCEP C	2023	2023	0	C!E11368
RCEP C	2024	2024	0	C!F11368
RCEP C	2025	2025	0	C!G11368
RCEP C	2026	2026	0	C!H11368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11368
RCEP D	2022	2022	0	D!D11367
RCEP D	2023	2023	0	D!E11367
RCEP D	2024	2024	0	D!F11367
RCEP D	2025	2025	0	D!G11367
RCEP D	2026	2026	0	D!H11367
RCEP D	2027	2027	0	D!I11367
RCEP E	2022	2022	0	E!D11371
RCEP E	2023	2023	0	E!E11371
RCEP E	2024	2024	0	E!F11371
RCEP E	2025	2025	0	E!G11371
RCEP E	2026	2026	0	E!H11371
RCEP E	2027	2027	0	E!I11371
RCEP F	2022	2022	0	F!D11368
RCEP F	2023	2023	0	F!E11368
RCEP F	2024	2024	0	F!F11368
RCEP F	2025	2025	0	F!G11368
RCEP F	2026	2026	0	F!H11368
RCEP F	2027	2027	0	F!I11368
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10530
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10530
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10530
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10530

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đồng > Đồng, hợp kim đồng chưa gia công, sten đồng, đồng xi măng hóa (đồng kết tủa). (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7403.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7403.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12014), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.